Mẫu số 01/QTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG

TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
									Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7,8,9+13+19	24=6-8+11+17
	TỔNG SỐ			87.845.354.000	24.950.053.000	2.202.000.000	-	2.202.000.000	-	-	-	-	-	-	31.473.168.000	20.423.731.000	20.423.731.000	-	10.308.863.000	740.574.000	22.625.731.000	-	45.373.784.000
	Vốn trong nước			87.845.354.000	24.950.053.000	2.202.000.000	-	2.202.000.000	-	-	-	-	-	-	31.473.168.000	20.423.731.000	20.423.731.000	-	10.308.863.000	740.574.000	22.625.731.000	-	45.373.784.000
A.I	**Các dự án thuộc kế hoạch năm 2025**			**87.845.354.000**	**24.950.053.000**	**2.202.000.000**	-	**2.202.000.000**	-	-	-	-	-	-	**31.473.168.000**	**20.423.731.000**	**20.423.731.000**	-	**10.308.863.000**	**740.574.000**	**22.625.731.000**	-	**45.373.784.000**
1	**Vốn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực**			**82.796.152.000**											**28.971.858.000**	**19.663.672.000**	**19.663.672.000**		**8.568.186.000**	**740.000.000**	**21.865.672.000**	-	**43.903.337.000**
1	Ngành, lĩnh vực: Công nghiệp khác, mã ngành 509																						
	Vốn trong nước			*82.796.152.000*	*24.249.665.000*	*2.202.000.000*	-	*2.202.000.000*	-	-	-	-	-	-	*28.971.858.000*	*19.663.672.000*	*19.663.672.000*	-	*8.568.186.000*	*740.000.000*	*21.865.672.000*	-	*43.903.337.000*
1	Trạm gom và trạm trung chuyển Nguyễn Du - Hội Điền	KHNN Khu vực XII - PGD số 13	8154193	1.000.000.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	800.000.000		-	-	800.000.000	-	-	-	-
2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tại Hội Điền Cửa Đại	KHNN Khu vực XII - PGD số 13	8154902	1.136.771.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.137.000.000	514.640.000	514.640.000	-	622.360.000	-	514.640.000	-	514.640.000
3	Điện chiếu sáng cảnh quan bờ kè khu vực Tùng Ao, khối Phước Trạch - (Nguồn vốn Đầu tư XDCB khác - Mã nguồn: 49)	KHNN Khu vực XII - PGD số 13	8155250	1.366.000.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.063.000.000	543.563.000	543.563.000	-	519.437.000	-	543.563.000	-	543.563.000
	Điện chiếu sáng cảnh quan bờ kè khu vực Tùng Ao, khối Phước Trạch - (Nguồn vốn Đầu tư XDCB từ nguồn bổ trợ ngân sách cấp trên - Mã nguồn: 43)					-	-	-	-	-	-	-	-	-	303.000.000	-	-	-	-	303.000.000			
4	Cải tạo cảnh quan hạ tầng hệ thống điện trên địa bàn phường Cửa Đại (Nguồn vốn Đầu tư XDCB khác - Mã nguồn: 49)	KHNN Khu vực XII - PGD số 13	8157804	1.035.966.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.035.000.000	719.370.000	719.370.000	-	315.630.000	-	719.370.000	-	719.370.000
	Cải tạo cảnh quan hạ tầng hệ thống điện trên địa bàn phường Cửa Đại (Nguồn vốn Đầu tư XDCB từ nguồn bổ trợ ngân sách cấp trên - Mã nguồn: 43)					-	-	-	-	-	-	-	-	-	437.000.000	-	-	-	-	437.000.000			
5	Nâng cấp tuyến đường bê tông dọc kênh N19 khối An Mỹ	KHNN Khu vực XII PGD số 13	8150434	1.000.000.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	566.000.000	566.000.000	-	434.000.000	-	566.000.000	-	566.000.000

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp trả điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán nhưng vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
									Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
A	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
6	Nâng cấp tuyến đường bê tông khối Sơn Phú 1	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8154189	965 647 000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	965 647 000	670 000 000	670 000 000	-	295 647 000	-	670 000 000	-	670 000 000
7	Nâng cấp sân tạo nhe Cửa Đạt	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8151985	1 000 000 000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1 000 000 000	807 016 000	807 016 000	-	192 984 000	-	807 016 000	-	807 016 000
8	Nạo vét, gia cố cải tạo cảnh quan từ cống trường Dục đến sông Hón Lăng, thôn Thanh Tam	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8172639	1 162 053 000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1 162 053 000	-	-	-	1 162 053 000	-	-	-	-
9	Nạo vét, cải tạo cảnh quan từ cuối tổ 2 đến sông Hón Lăng, thôn Văn Lăng	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8172653	1 176 162 000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1 176 162 000	-	-	-	1 176 162 000	-	-	-	-
10	Cải tạo cổng viên hành phố Xanh	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8172638	1 176 996 000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1 176 996 000	-	-	-	1 176 996 000	-	-	-	-
11	Khu công viên hiện tại gọc giao lộ đường Cửa Đạt và Lạc Long Quân	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8153508	10 660 812 000											200 000 000	101 000 000	101 000 000	-	99 000 000	-	161 000 000	-	101 000 000
12	Công viên Du tưởng tiểu sĩ Cửa Thanh (giai đoạn 2)	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	7635062	29 908 987 000	18 839 665 000										2 737 000 000	2 257 000 000	2 257 000 000	-	500 000 000	-	2 257 000 000	-	21 096 665 000
13	Kênh tiêu Sơn Phong Cẩm Châu	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8079763	7 524 755 000	730 000 000	730 000 000		730 000 000							2 966 000 000	2 736 000 000	2 736 000 000	-	230 000 000	-	3 466 000 000	-	3 466 000 000
14	Nâng cấp tuyến đường chống ngập ứng trên địa bàn phường Cửa Đạt	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8123728	992 003 000	50 000 000										600 000 000	465 083 000	465 083 000	-	134 917 000	-	465 083 000	-	515 083 000
15	Nâng cấp đường Phạm Ngũ Lão (Đoạn từ Cửa Đạt Đến Trần Khát Trân)	KBNN Khu vực XII PGD số 13	8161444	1 100 000 000											950 000 000	41 000 000	41 000 000	-	909 000 000	-	41 000 000	-	41 000 000
16	Trường Mầm giáo Cửa Đạt, Hạng mục: Xây mới 06 phòng học, 01 phòng chức năng, khu vệ sinh và sân tiền, tường rào, cổng ngõ	KBNN Khu vực XII PGD số 13	8074795	8 000 000 000	2 400 000 000										3 000 000 000	3 000 000 000	3 000 000 000	-	-	-	3 000 000 000	-	5 400 000 000

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=17+13	12	13	14	15=10-13-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+13+17
17	Trường TH Ấp Tư Trong, Hạng mục xây 08 phòng học, 10 phòng chức năng, 05 khu vệ sinh, khu bếp ăn và sân nền	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8098759	13.500.000.000	2.220.000.000	1.472.000.000		1.472.000.000							7.243.000.000	7.243.000.000	7.243.000.000	-	-	-	8.715.000.000	-	9.463.000.000
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài trong đó																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
II	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**			5.049.202.000	710.388.000		-	-	-	-	-	-	-	-	2.501.310.000	760.059.000	760.059.000	-	1.740.677.000	574.000	760.059.000	-	1.470.447.000
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài trong đó																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Chương trình mục tiêu quốc gia 09493 - Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, sơ kết đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền			5.049.202.000	710.388.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.501.310.000	760.059.000	760.059.000	-	1.740.677.000	574.000	760.059.000	-	1.470.447.000
	Vốn trong nước			5.049.202.000	710.388.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.501.310.000	760.059.000	760.059.000	0	1.740.677.000	574.000	760.059.000	-	1.470.447.000
1	Tuyến giao thông nội đồng Vòng Nhà, xã Cần Thành - Mã CTMTQG 20492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8166888	830.000.000											830.000.000	29.000.000	29.000.000	-	801.000.000	-	29.000.000	-	29.000.000
2	Nâng cấp tuyến tham quan từ ấp 2 thôn Thanh Nhị, Cần Thành - Mã CTMTQG 10492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8166889	981.677.000											379.868.000	42.000.000	42.000.000	-	337.868.000	-	42.000.000	-	42.000.000
	Nâng cấp tuyến tham quan từ ấp 2 thôn Thanh Nhị, Cần Thành - Mã CTMTQG 20492														601.809.000	-	-	-	601.809.000	-	-	-	-
3	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Thanh Nhị - Mã CTMTQG 20492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8089122	780.506.000						-			-		176.192.000	176.044.000	176.044.000	-		148.000	176.044.000	-	176.044.000

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Thanh Tam - Mã CTMTQG: 20492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8083252	695.294.000	210.388.000					-				-	98.301.000	98.040.000	98.040.000	-	-	61.000	98.040.000	-	308.428.000
5	Sửa chữa nhà văn hóa và khu thể thao thôn Vực Lăng - Mã CTMTQG 20492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8089119	627.152.000	500.000.000					-				-	82.767.000	82.648.000	82.648.000	-	-	119.000	82.648.000	-	582.648.000
6	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa Thanh Nhạt Mã CTMTQG 20492	KBNN Khu vực XII - PGD số 13	8089120	1.134.573.000											332.573.000	332.327.000	332.327.000	-	-	246.000	332.327.000	-	332.327.000
	Vốn nước ngoài trong đó																	-			-		
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi															-		-			-		
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước															-		-			-		
III	**Vốn ngân sách trung ương hỗ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)**																						
1	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)**																						
	Dự án																						
2	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...**																						
A.2	**Các dự án không ghi kế hoạch năm 20... còn dư vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán**																						
I	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...**																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài trong đó																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài trong đó																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	**Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)...**																						
II	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																						
	Vốn trong nước																						

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+13+17
	Vốn nước ngoài, trong đó																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
I	*Chương trình mục tiêu quốc gia*																						
	Dự án																						
	Vốn trong nước																						
	Vốn nước ngoài, trong đó:																						
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																						
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																						
2	*Chương trình mục tiêu quốc gia...*																						

Ghi chú:

Chủ đầu tư báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016

..., ngày 10 tháng 4 năm 2026

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN NƠI GIAO DỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 12
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XIII

Hội An Đông, ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Lê Công Sỹ